Đơn vị: **Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông**

Chương: 417

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ

CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: 195/QĐ-SKHCN ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	Tổng dự toán được giao	Tổng dự toán đã phân bổ	Văn phòng Sở	Trung tâm Thông tin, Kỹ thuật và ứng dụng KHCN
1. Số thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp	**2.532**	**2.532**	**40**	**2.492**
1.1 Thu phí, lệ phí	40	40	40	
1.2 Thu sự nghiệp	2.492	2.492		2.492
2. Chi từ số thu được để lại	**2.524**	**2.524**	**32**	**2.492**
Trong đó: Trích tạo nguồn thực hiện CCTL 40% số thu được để lại	*113*	*133*	*13*	*120*
3. Số nộp ngân sách nhà nước	-	-	-	-
1.1 Thu phí, lệ phí		-		
1.2 Thu sự nghiệp		-		
II Dự toán chi ngân sách nhà nước	**20.176**	**20.176**	**17.923**	**2.253**
1. Kinh phí thường xuyên (tự chủ)	**5.360**	**5.360**	**5.360**	-
1.1 Quản lý hành chính (L340-K341)	5.360	5.360	5.360	-
Lương và chi thường xuyên khác theo quy định	*5.360*	*5.360*	*5.360*	
1.2 Sự nghiệp khoa học công nghệ (L100-K103)	-	-	-	-
Lương và chi thường xuyên khác theo quy định	-	-		
2. Kinh phí không thường xuyên	**14.816**	**14.816**	**12.563**	**2.253**
2.1 Quản lý hành chính (L340-K341)	**722**	**722**	**722**	-
Kinh phí hợp đồng 68	234	234	*234*	
Kinh phí trang phục thanh tra	13	13	*13*	
KP hỗ trợ hoạt động đại biểu hội đồng nhân dân	9	9	*9*	
Thực hiệnchuyên mục Khoa học -Công nghệ và đời sống	43	43	*43*	
Phụ cấp dân quân tự vệ	18	18	*18*	
Sửa chữa sân bê tông trụ sở làm việc Sở Khoa học và Công nghệ	405	405	*405*	
2.2 Chi sự nghiệp Đào tạo (L070-K083)	**44**	**44**	**30**	**14**
2.3 Sự nghiệp khoa học công nghệ (L100-K103)	**14.050**	**14.050**	**11.811**	**2.239**

Nội dung	Tổng dự toán được giao	Tổng dự toán đã phân bổ	Văn phòng Sở	Trung tâm Thông tin, Kỹ thuật và ứng dụng KHCN
2.3.1 Kinh phí hoạt động thường xuyên theo chức năng (Đơn vị sự nghiệp)	2.239	2.239	-	2.239
Lương và chi khác theo quy định	*1.339*	*1.339*		*1.339*
Kinh thực hiện nhiệm vụ thông tin, thống kê khoa học và công nghệ; hỗ trợ chuyển giao công nghệ,...	*900*	*900*		*900*
2.3.2 Kinh phí thực hiện chương trình dự án, đề tài khoa học và công nghệ	9.641	9.641	9.641	-
Kinh phí cho các nhiệm vụ khoa học công nghệ chuyển tiếp	*9.641*	*9.641*	*9.641*	
Kinh phí cho các nhiệm vụ khoa học công nghệ mở mới	-	-		
2.4.3 Kinh phí không thực hiện tự chủ cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác	2.170	2.170	2.170	